T19-804\_Source\_ELRubric, Vietnamese, Arial Font, Page **1** of **15**

# **Thang điểm Tự Đánh giá Lộ trình của Người Học Tiếng Anh**

*Các nhóm trường và khu học chánh có thể sử dụng công cụ tự đánh giá này để thảo luận, đánh giá tình trạng áp dụng Nguyên tắc Lộ trình của Người học Tiếng Anh (EL) hiện tại và để xác định các lĩnh vực cần cải thiện.*

## **Nguyên tắc #1: TRƯỜNG HỌC ĐỊNH HƯỚNG THEO VỐN LIẾNG CÓ SẴN VÀ ĐÁP ỨNG NHU CẦU**

Các trường mầm non và trường học đáp ứng những ưu điểm, nhu cầu và bản sắc EL khác nhau và hỗ trợ sức khỏe cảm xúc xã hội và sự phát triển của người học tiếng Anh. Các chương trình coi trọng và được xây dựng dựa trên vốn liếng văn hóa và ngôn ngữ mà học sinh mang đến cho việc học hành. của mình trong môi trường học tập an toàn và bảo đảm. Các nhà giáo dục coi trọng và xây dựng mối quan hệ hợp tác vững mạnh với gia đình, cộng đồng và trường học.

| **Yếu tố** | **1 Đáp ứng tối thiểu hoặc Hoàn toàn không đáp ứng** | **2 Đáp ứng Một phần** | **3 Đáp ứng** | 1. **Đáp ứng Hết sức**
 | **Kết nối với Kế hoạch kiểm soát và trách nhiệm địa phương và kế hoạch địa phương khác [LCAP]**  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A**. **Ngôn ngữ và** **văn hóa** mà Người học tiếng Anh mang đến cho việc học hành của họ là **vốn liếng** học tập của chính họ và là những đóng góp quan trọng cho cộng đồng học tập. Các vốn liếng này được coi trọng và xây dựng dựa trên giáo trình và chương trình giảng dạy đáp ứng văn hóa và trong các chương trình hỗ trợ sự phát triển thành thạo của nhiều ngôn ngữ khi có thể. | Trường học tập trung vào một ngôn ngữ và ít có tầm nhìn về sự đa dạng ngôn ngữ hoặc văn hóa. Có rất ít hoặc không có bằng chứng về các chương trình hoặc hỗ trợ trong việc giảng dạy để phát triển song ngữ. | Trường học khẳng định sự đa dạng về ngôn ngữ và văn hóa là một khái niệm chung (ví dụ, trong các tuyên bố về sứ mệnh); một số giáo viên có thể bao gồm các phương pháp đáp ứng văn hóa trong giảng dạy. | Trường áp dụng một số chương trình và phương diện giảng dạy đáp ứng văn hóa/ngôn ngữ. Chương trình đa ngôn ngữ có sẵn cho một số học sinh. | Trường học tập trung vào đa ngôn ngữ và chuyên dụng cho khoa sư phạm và môi trường đáp ứng văn hóa cho tất cả học sinh. Trường có các chương trình, tài liệu và dịp lễ bằng nhiều ngôn ngữ. Trường tạo nhiều cơ hội cho học sinh để thành thạo nhiều ngôn ngữ.  | Kết nối: |
| **B**. Nhận biết rằng **không có trường hợp EL riêng biệt** và không có phương pháp giảng dạy nào phù hợp với tất cả người học tiếng Anh, các chương trình, giáo trình và sự giảng dạy phải đáp ứng các đặc điểm và kinh nghiệm khác nhau của học sinh EL. Học sinh EL vào trường với trình độ tiếng Anh sơ cấp có nhu cầu và năng lực khác với học sinh có trình độ trung cấp hoặc cao cấp. Tương tự như vậy, học sinh học mẫu giáo có nhu cầu khác biệt so với học sinh học cấp lớp cao hơn. Nhu cầu của người học tiếng Anh dài hạn rất khác so với những học sinh mới di dân (vì trình độ giáo dục trước đây của những người này đều khác nhau). Những trường hợp EL này được phân phối khắp khu học chánh trong các trường học khác nhau, cho nên không có chương trình học tập hoặc phương pháp giảng dạy duy nhất nào có hiệu quả cho tất cả học sinh EL. | Các chương trình học tập, giáo trình, và sự giảng dạy đều giống nhau cho tất cả những người học tiếng Anh.  | Các chương trình học tập, giáo trình, và sự giảng dạy được cải biến một phần để phù hợp với học sinh. Trường cung cấp những lựa chọn học tập khác nhau nhưng chúng có thể không đáp ứng các điểm mạnh và nhu cầu của tất cả học sinh EL tại trường. | Các chương trình học tập, giáo trình, và sự giảng dạy được cải biến riêng cho từng học sinh. Các chương trình học tập, giáo trình, và sự giảng dạy cung cấp một số lựa chọn để thích ứng với từng người dựa trên điểm mạnh và nhu cầu của học sinh.  | Các chương trình học tập, giáo trình, và sự giảng dạy được thiết kế riêng cho từng học sinh để thúc đẩy khả năng học tập nhiều nhất cho mỗi người. Các chương trình, giáo trình, và sự giảng dạy cung cấp các lựa chọn cho những học sinh nắm bắt được điểm mạnh của mình và đáp ứng nhu cầu của từng người. Các lựa chọn này đáp ứng tất cả các trường hợp EL tại trường. | Kết nối: |
| **C**. **Môi trường** **học** và khuôn viên của trường được khẳng định, bao gồm toàn diện và an toàn. | Có ít hoặc không có bằng chứng cho thấy việc áp dụng các chương trình hoặc các thực tiễn để tạo một môi trường học tập an toàn và khẳng định. | Môi trường học tập là an toàn và khẳng định đối với hầu hết các học sinh và gia đình của họ, nhưng các chương trình và thực tiễn để hỗ trợ môi trường học tập toàn diện có thể chưa được phát triển. | Môi trường học tập là an toàn và khẳng định đối với các học sinh và gia đình của họ. Một số chương trình và thực tiễn được áo dụng để hỗ trợ môi trường học tập toàn diện. Tất cả học sinh và gia đình của họ được đối xử công bằng. | Môi trường học tập là an toàn và khẳng định đối với tất cả các học sinh và gia đình của họ. Các chương trình và thực tiễn tôn vinh sự đa dạng. Các chương trình và thực tiễn khẳng định, coi trọng và nâng đỡ tất cả các nhóm tại trường và đối xử với tất cả học sinh và gia đình một cách đáp ứng, công bằng. | Kết nối: |
| **D**. Nhà trường coi trọng và xây dựng mối **quan hệ hợp tác** mạnh mẽ **giữa gia đình và nhà trường**.  | Có ít hoặc không có bằng chứng cho thấy sự tham gia ý nghĩa của gia đình. Gia đình hiếm khi tham gia các hoạt động của trường.  | Trường tương tác với các gia đình để tạo cơ hội tham gia vào trải nghiệm học tập của con cái họ. Có thể thấy được các chiến lược để tương tác với những gia đình.  | Trường tương tác với các gia đình để tạo cơ hội tham gia vào trải nghiệm học tập của con cái họ. Có thể thấy được các chiến lược hướng mục tiêu để tương tác với các gia đình đại diện cho nhân khẩu học của trường. | Trường tương tác với các gia đình để tạo cơ hội tham gia một cách ý nghĩa vào trải nghiệm học tập của con cái họ. Trường có các hình thức hỗ trợ chủ động để tương tác hai chiều với các gia đình. Sự tham gia phản ánh nhân khẩu học của trường.  | Kết nối: |
| **E.** Các trường và khu học chánh thiết lập một khuôn khổ hợp tác để xác định **Người học tiếng Anh bị khuyết tật** và thực hành các phương pháp thẩm định hợp lệ. Các trường và khu học chánh thiết lập các chương trình giáo dục cá nhân hoá phù hợp (IEP) để hỗ trợ việc thực hành chính sách bao gồm văn hóa và ngôn ngữ và cung cấp sự đào tạo phù hợp cho giáo viên, để tận dụng trình độ chuyên môn cụ thể cho người học tiếng Anh. IEP vừa đáp ứng các mục tiêu học tập vừa cân nhắc đến sự phát triển ngôn ngữ của học sinh, theo những đề nghị trong chính sách của tiểu bang và quốc gia.  | Không thấy có các hệ thống để xác định chính xác và hỗ trợ người học tiếng Anh khuyết tật. | Trường xác định người học tiếng Anh khuyết tật nhưng có thể cần phát triển thêm các hệ thống hỗ trợ cho họ một cách hiệu quả. | Trường xác định chính xác người học tiếng Anh khuyết tật và có sẵn các hệ thống để hỗ trợ họ cùng với việc xác định và phân biệt nhu cầu ngôn ngữ với nhu cầu giáo dục đặc biệt.  | Trường xác định chính xác người học tiếng Anh khuyết tật và có sẵn các hệ thống để hỗ trợ họ cùng với việc xác định và phân biệt nhu cầu ngôn ngữ với nhu cầu giáo dục đặc biệt. Trường thực hành IEP và có hệ thống hỗ trợ việc đào tạo giáo viên cụ thể để đáp ứng các nhu cầu của người học tiếng Anh khuyết tật. | Kết nối: |

**Tự đánh giá: Nguyên tắc này và các yếu tố của nó nêu lên những câu hỏi gì?**

## **Nguyên tắc #2: CHẤT LƯỢNG TRÍ TUỆ CỦA VIỆC GIẢNG DẠY VÀ TIẾP CẬN Ý NGHĨA**

Người học tiếng Anh tham gia vào trải nghiệm học tập giàu trí tuệ, phát triển thích hợp về học tập để giúp tăng trình độ thông thạo tiếng Anh. Những trải nghiệm này kết hợp việc phát triển ngôn ngữ, xóa nạn mù chữ và học nội dung cũng như tạo điều kiện tiếp cận sự hiểu biết và sự tham gia thông qua việc giảng dạy và giảng dạy từng phần ngôn ngữ mẹ đẻ. Người học tiếng Anh được tiếp cận một cách ý nghĩa giáo trình thích hợp và dựa trên các tiêu chuẩn cùng với cơ hội phát triển trình độ thông thạo tiếng Anh và các ngôn ngữ khác.

| **Yếu tố**  | **1 Thực hiện Tối thiểu đến Không Thực hiện** | **2 Thực hiện Trung bình** | **3 Thực hiện Thỏa đáng** | **4 Thực hiện Xuất sắc** | **Kết nối với Kế hoạch kiểm soát và trách nhiệm địa phương và kế hoạch địa phương khác [LCAP]** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A**. Sự phát triển ngôn ngữ được thực hiện trong và thông qua việc học tập theo chủ đề và **tích hợp** trong toàn bộ giáo trình, bao gồm Phát triển Tiếng Anh (ELD) và ELD được chỉ định (theo Khuôn khổ ELA/ELD cho môn Văn chương Anh ngữ trang 891–892). | Không thấy rõ kết nối giữa việc phát triển ngôn ngữ và nội dung học tập. ELD được chỉ định không được thực hiện đầy đủ và có thể không đáp ứng nội dụng học tập về mặt ngôn ngữ. | Việc phát triển ngôn ngữ không được thực hiện nhất quán trong nội dung học tập và được tích hợp không nhất quán trong toàn bộ giáo trình. ELD được chỉ định không kết nối nhất quán với nội dung học tập. | Việc phát triển ngôn ngữ được thực hiện trong và thông qua nội dung học tập. ELD được chỉ định đáp ứng nội dung học tập về mặt ngôn ngữ.  | Việc phát triển ngôn ngữ được thực hiện nhất quán trong và thông qua toàn bộ nội dung học tập và được tích hợp trong toàn bộ giáo trình cùng với ELD được chỉ định dựa trên nội dung học tập chắc chắn. | Kết nối: |
| **B**. Học sinh được cung cấp một **giáo trình nghiêm ngặt, giàu trí tuệ, dựa trên các tiêu chuẩn học tập** cùng với việc giảng dạy từng phần để tăng trình độ hiểu biết và sự tham gia và phát triển khả năng tự học và thành thạo của học sinh. | Có thể thiếu giáo trình dựa trên các tiêu chuẩn học tập. Không thấy việc giảng dạy từng phần để học sinh hiểu, tham gia và đạt trình độ thành thạo. | Trường học cung cấp giáo trình nghiêm ngặt và thu hút trí tuệ dựa trên các tiêu chuẩn học tập với việc giảng dạy từng phần không đầy đủ để học sinh hiểu, tham gia và đạt trình độ thành thạo. | Trường học cung cấp giáo trình nghiêm ngặt giàu trí tuệ dựa trên các tiêu chuẩn học tập cùng việc giảng dạy từng phần để học sinh hiểu, tham gia và đạt trình độ thành thạo. | Trường học cung cấp giáo trình nghiêm ngặt giàu trí tuệ dựa trên các tiêu chuẩn học tập với việc giảng dạy từng phần có tính chiến lược để học sinh hiểu, tham gia và đạt trình độ thành thạo. | Kết nối: |
| **C**. Việc giảng dạy và học tập nhấn mạnh sự tham gia, tương tác, trao đổi, đặt câu hỏi và tư duy biện luận với **kỳ vọng cao** cho người học tiếng Anh giống như đối với tất cả học sinh trong mỗi lĩnh vực nội dung. | Việc giảng dạy và học tập trung vào giáo viên và không thấy bằng chứng về sự tương tác của học sinh, đặt câu hỏi và tư duy biện luận. Trường có kỳ vọng thấp đối với người học tiếng Anh so với các nhóm học sinh khác. | Việc giảng dạy và học tập nhấn mạnh sự tham gia, tương tác, trao đổi, đặt câu hỏi và tư duy biện luận, nhưng lại có kỳ vọng thấp đối với người học tiếng Anh so với các nhóm học sinh khác. | Việc giảng dạy và học tập nhấn mạnh sự tham gia, tương tác, trao đổi, đặt câu hỏi và tư duy biện luận, với kỳ vọng cao đối với người học tiếng Anh. | Việc giảng dạy và học tập thường xuyên nhấn mạnh sự tham gia, tương tác, trao đổi, đặt câu hỏi và tư duy biện luận một cách hiệu quả với kỳ vọng cao cho người học tiếng Anh giống như đối với tất cả học sinh. | Kết nối: |
| **D**. Người học tiếng Anh được **tiếp cận toàn bộ giáo trình** cùng với việc cung cấp các dịch vụ và hỗ trợ EL phù hợp. | Người học tiếng Anh được tiếp cận một phần của giáo trình và không được cung cấp hoặc cung cấp các dịch vụ và hỗ trợ EL tối thiểu. | Người học tiếng Anh được tiếp cận một số giáo trình cùng với việc cung cấp các dịch vụ và hỗ trợ EL không nhất quán hoặc yếu kém. | Người học tiếng Anh được tiếp cận giáo trình cốt lõi một cách ý nghĩa cùng với việc cung cấp các dịch vụ và hỗ trợ EL. Người học tiếng Anh có thể học tất cả các môn học A–G cần thiết để vào đại học.  | Người học tiếng Anh được tiếp cận toàn bộ giáo trình một cách ý nghĩa trong mọi lĩnh vực nội dung cùng với việc cung cấp các dịch vụ và hỗ trợ EL. Người học tiếng Anh có thể học tất cả các môn học A–G cần thiết để vào đại học cùng với giáo trình chuẩn bị cho đại học hoặc nghề nghiệp. Người học tiếng Anh được tiếp cận các chương trình và khóa học dành cho học sinh có năng khiếu và học giỏi giống như mọi người và được xác định theo tỷ lệ là có năng khiếu và học giỏi so với học sinh chỉ nói tiếng Anh. | Kết nối: |
| **E**. **Ngôn ngữ học sinh nói ở nhà** được hiểu là một phương tiện để tiếp cận nội dung học tập, làm nền tảng để phát triển tiếng Anh, và, nếu có thể, sẽ được phát triển đến trình độ hiểu biết và thành thạo cao cùng với tiếng Anh. | Ngôn ngữ học sinh nói ở nhà được xem là không liên quan hoặc gây bất lợi cho việc tiếp cận nội dung của giáo trình và không được đề cập đến cũng như không được phát triển. | Ngôn ngữ học sinh nói ở nhà được hiểu là một phương tiện để tiếp cận nội dung của giáo trình và làm nền tảng để phát triển tiếng Anh, nhưng sẽ không được phát triển đến trình độ cao của sự hiểu biết và thành thạo cùng với tiếng Anh.  | Ngôn ngữ học sinh nói ở nhà được sử dụng như một phương tiện để tiếp cận nội dung của giáo trình, làm nền tảng để phát triển tiếng Anh, và sẽ được phát triển đến trình độ cao của sự hiểu biết và thành thạo cùng với tiếng Anh. | Ngôn ngữ học sinh nói ở nhà được coi trọng và xem như là phương tiện để tiếp cận nội dung của giáo trình, làm nền tảng để phát triển tiếng Anh, và sẽ được phát triển đến trình độ cao của sự hiểu biết và thành thạo cùng với tiếng Anh và các ngôn ngữ khác | Kết nối: |
| **F**. **Tài liệu giảng dạy** nghiêm ngặt hỗ trợ mức độ tham gia cao về mặt trí tuệ. Việc giảng dạy rõ ràng theo từng phần cho phép người học tiếng Anh ở các trình độ thành thạo tiếng Anh khác nhau tham gia một cách ý nghĩa. Sự phát triển ngôn ngữ tích hợp, học tập nội dung và cơ hội phát triển song ngữ/đọc viết song ngữ phù hợp với mô hình của chương trình.  | Tài liệu giảng dạy hỗ trợ mức độ tham gia thấp về mặt trí tuệ và không cung cấp cơ hội để phát triển ngôn ngữ tích hợp và học tập theo nội dung. Tài liệu giảng dạy không cung cấp hoặc cung cấp cơ hội tham gia tối thiểu vào chương trình song ngữ/ đọc viết song ngữ phù hợp với mô hình của chương trình. | Tài liệu giảng dạy hỗ trợ mức độ tham gia thấp về mặt trí tuệ và cung cấp cơ hội tối thiểu để phát triển ngôn ngữ tích hợp và học tập theo nội dung. Tài liệu giảng dạy cung cấp một số cơ hội tham gia vào chương trình song ngữ/ đọc viết song ngữ phù hợp với mô hình của chương trình. | Tài liệu giảng dạy hỗ trợ mức độ tham gia cao về mặt trí tuệ, phát triển ngôn ngữ tích hợp và học tập theo nội dung. Tài liệu giảng dạy cung cấp cơ hội tham gia vào chương trình song ngữ/ đọc viết song ngữ phù hợp với mô hình của chương trình. | Tài liệu giảng dạy hỗ trợ mức độ tham gia cao về mặt trí tuệ, phát triển ngôn ngữ tích hợp và học tập theo nội dung. Tài liệu giảng dạy cung cấp nhiều cơ hội tham gia vào chương trình song ngữ/ đọc viết song ngữ phù hợp với mô hình của chương trình. | Kết nối: |
| **G**. Người học tiếng Anh được lựa chọn các **chương trình hỗ trợ/phát triển ngôn ngữ dựa trên nghiên cứu** (bao gồm lựa chọn để phát triển các kỹ năng trong nhiều ngôn ngữ) và được ghi danh vào các chương trình được thiết kế để khắc phục trở ngại ngôn ngữ và tiếp cận giáo trình. | Gia đình của những Người học tiếng Anh không được lựa chọn các chương trình hỗ trợ/phát triển ngôn ngữ dựa trên nghiên cứu và không được ghi danh vào các chương trình được thiết kế để học ngôn ngữ và tiếp cận giáo trình. | Gia đình của những Người học tiếng Anh được lựa chọn các chương trình hỗ trợ/phát triển ngôn ngữ dựa trên nghiên cứu nhằm mục đích hỗ trợ việc học ngôn ngữ và giúp học sinh tiếp cận giáo trình.  | Gia đình của những Người học tiếng Anh được lựa chọn các chương trình hỗ trợ/phát triển ngôn ngữ dựa trên nghiên cứu đã hỗ trợ thành công cho việc học ngôn ngữ và giúp học sinh tiếp cận toàn bộ giáo trình. | Tất cả các gia đình của những Người học tiếng Anh được lựa chọn các chương trình hỗ trợ/phát triển ngôn ngữ dựa trên nghiên cứu đã hỗ trợ thành công cho việc học ngôn ngữ và giúp học sinh tiếp cận toàn bộ giáo trình. Những lựa chọn này có sẵn trong nhiều ngôn ngữ. Các gia đình có tiếng nói trong việc phát triển chương trình. | Kết nối: |

**Tự đánh giá: Nguyên tắc này và các yếu tố của nó nêu lên những câu hỏi gì?**

## **Nguyên tắc #3: ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ CHO SỰ HIỆU QUẢ CỦA HỆ THỐNG**

Mỗi cấp bậc của hệ thống trường học (tiểu bang, quận, khu học chánh, trường học, trường mầm non) đều có các nhà lãnh đạo và nhà giáo dục am hiểu và đáp ứng các thế mạnh và nhu cầu của người học tiếng Anh và cộng đồng của họ và sử dụng hình thức thẩm định hợp lệ cùng các hệ thống dữ liệu khác để cung cấp thông tin cho việc giảng dạy và cải tiến không ngừng. Mỗi cấp bậc của hệ thống trường học cung cấp các nguồn trợ giúp và hỗ trợ theo cấp độ để bảo đảm các chương trình bền vững và xây dựng năng lực của giáo viên và nhân viên để tận dụng các thế mạnh và đáp ứng nhu cầu của người học tiếng Anh.

| **Yếu tố** | **1 Điều kiện Tối thiểu** | **2 Điều kiện Trung bình** | **3 Điều kiện Tốt** | **4 Điều kiện Xuất sắc** | **Kết nối với Kế hoạch kiểm soát và trách nhiệm địa phương và kế hoạch địa phương khác [LCAP]** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A**. **Các nhà lãnh đạo** thiết lập những mục tiêu và cam kết rõ ràng cho người học tiếng Anh bằng cách cung cấp sự tiếp cận, sự phát triển trình độ tiếng Anh, sự tham gia và thành tích học tập. Các nhà lãnh đạo duy trỳ sự tập trung có hệ thống vào việc không ngừng cải tiến và tiến bộ hướng đến các mục tiêu này—vượt trên cả sự tuân thủ thông qua Kế hoạch EL Tổng thể (EL Master Plan) và Ủy ban Cố vấn Người học Tiếng Anh (English Learner Advisory Committee [ELAC]) và Ủy ban Cố vấn Người học Tiếng Anh của Khu học chánh (District English Learner Advisory Committee [DELAC]). | Các nhà lãnh đạo đang trong giai đoạn đầu để thiết lập các mục tiêu và cam kết tiếp cận chương trình EL, phát triển tiếng Anh, thành tích học tập và sự tham gia. Chưa thấy bằng chứng về sự tập trung trên toàn hệ thống vào sự tiến bộ của những mục tiêu này và cải tiến không ngừng.  | Các nhà lãnh đạo thiết lập các mục tiêu và cam kết tiếp cận chương trình EL, phát triển tiếng Anh, thành tích học tập và sự tham gia. Các nhà lãnh đạo đang tham gia vào giai đoạn đầu của một chu kỳ cải tiến không ngừng để thiết lập và giám sát các mục tiêu. | Các nhà lãnh đạo thiết lập những mục tiêu và cam kết rõ ràng để tiếp cận chương trình EL, phát triển tiếng Anh, thành tích học tập và tham gia cộng đồng. Các nhà lãnh đạo tham gia vào một chu kỳ cải tiến không ngừng khi thiết lập và giám sát các mục tiêu. Có thể thấy rõ sự cam kết đối với các mục tiêu này trên toàn hệ thống. | Các nhà lãnh đạo thiết lập những mục tiêu và cam kết rõ ràng để tiếp cận chương trình EL, phát triển tiếng Anh, thành tích học tập và tham gia cộng đồng. Các nhà lãnh đạo tham gia vào một chu kỳ cải tiến không ngừng khi thiết lập và giám sát các mục tiêu. Những mục tiêu này được tích hợp và ghép vào mọi phương diện của hệ thống và nhu cầu của người học tiếng Anh được thể hiện trong tất cả các hành động và cuộc thảo luận. | Kết nối: |
| **B**. Hệ thống trường học đầu tư **đầy đủ các nguồn lực** để hỗ trợ những điều kiện cần thiết nhằm đáp ứng các nhu cầu EL. | Hệ thống trường học không có đủ các nguồn lực để hỗ trợ những điều kiện cần thiết nhằm đáp ứng các nhu cầu EL. | Hệ thống trường học đầu tư ít nguồn lực để hỗ trợ những điều kiện cần thiết nhằm đáp ứng các nhu cầu EL. | Hệ thống trường học đầu tư đầy đủ các nguồn lực để hỗ trợ những điều kiện cần thiết nhằm đáp ứng các nhu cầu EL. | Hệ thống trường học dành ưu tiên cho các nguồn lực để hỗ trợ những điều kiện cần thiết nhằm đáp ứng các nhu cầu EL. | Kết nối: |
| **C**. Một **hệ thống thẩm định đáng tin cậy và hợp lệ về mặt văn hóa và ngôn ngữ** hỗ trợ cho việc giảng dạy, cải tiến không ngừng và trách nhiệm đạt trình độ tiếng Anh thành thạo, song ngữ và thành tích học tập.  | Một hệ thống thẩm định hợp lệ và đáng tin cậy tượng trưng cho việc giảng dạy và cho thấy học lực của học sinh.  | Một hệ thống thẩm định đáng tin cậy về mặt văn hóa và ngôn ngữ tượng trưng cho việc giảng dạy và cho thấy học lực của học sinh. | Một hệ thống thẩm định đáng tin cậy về mặt văn hóa và ngôn ngữ tượng trưng cho việc giảng dạy và cho thấy học lực của học sinh. Hệ thống thẩm định hỗ trợ khả năng đọc viết song ngữ và thành tích học tập. | Một hệ thống thẩm định toàn diện hợp lệ và đáng tin cậy về mặt văn hóa và ngôn ngữ tượng trưng cho việc giảng dạy và cho thấy học lực của học sinh. Hệ thống cân nhắc đến nhu cầu của học sinh và hỗ trợ khả năng đọc viết song ngữ cùng với thành tích học tập.  | Kết nối: |
| **D**. Việc **nâng cao khả năng** xảy ra ở mọi cấp bậc của hệ thống, bao gồm **phát triển khả năng lãnh đạo** để hiểu và đáp ứng nhu cầu của người học tiếng Anh. Có **thời gian học tập và cộng tác tu nghiệp** dành cho giáo viên. Hệ thống nỗ lực mạnh mẽ để giải quyết tình trạng thiếu giáo viên và xây dựng một **hệ thống tuyển dụng và phát triển** các nhà giáo dục có kỹ năng đáp ứng nhu cầu của người học tiếng Anh, bao gồm cả giáo viên song ngữ. | Việc nâng cao khả năng để hiểu và đáp ứng nhu cầu của người học tiếng Anh còn hạn chế. Có thể cung cấp chương trình phát triển trình độ chuyên môn thay vì liên tục cộng tác tu nghiệp. | Có cung cấp một số cơ hội để nâng cao khả năng. Chương trình tu nghiệp được hỗ trợ và có tương tác nhưng thời gian cộng tác có thể không đủ để thực hiện các chiến lược đã học. Việc nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu của người học tiếng Anh. | Cơ hội nâng cao khả năng được cung cấp liên tục. Chương trình tu nghiệp được hỗ trợ và có tương tác. Có thời gian cộng tác để thực hiện các chiến lược đã học. Việc nâng cao khả năng được tập trung để đáp ứng nhu cầu của người học Tiếng Anh. | Cơ hội nâng cao khả năng tượng trưng cho việc tu nghiệp được liên tục cung cấp. Chương trình tu nghiệp được hỗ trợ, có ý nghĩa và tương tác. Cá nhân ở mọi cấp bậc của hệ thống có tiếng nói trong việc phát triển các cơ hội tu nghiệp và có đủ thời gian cộng tác để thực hiện các chiến lược đã học. Việc nâng cao khả năng được tập trung để đáp ứng nhu cầu của người học Tiếng Anh, kể cả để giải quyết tình trạng thiếu giáo viên và sự cần thiết của giáo viên song ngữ được đào tạo bài bản. | Kết nối: |

**Tự đánh giá: Nguyên tắc này và các yếu tố của nó nêu lên những câu hỏi gì?**

## **Nguyên tắc #4: SỰ ĐỒNG BỘ VÀ ĂN KHỚP BÊN TRONG VÀ TRÊN TOÀN HỆ THỐNG**

Người học tiếng Anh trải nghiệm lộ trình học tập và phương pháp thực hành nhất quán, ăn khớp và đồng bộ giữa các cấp lớp và phân đoạn giáo dục, bắt đầu với một nền tảng vững chắc trong thời thơ ấu và xác định đúng đắn các điểm mạnh cùng nhu cầu, tiếp theo là phân loại lại, tốt nghiệp, giáo dục cao đẳng và cơ hội nghề nghiệp. Những lộ trình này thúc đẩy các kỹ năng, ngôn ngữ, khả năng đọc viết và kiến ​​thức mà học sinh cần để chuẩn bị vào đại học cùng với nghề nghiệp và để hội nhập vào một thế giới đa dạng, đa ngôn ngữ trong thế kỷ hai mươi mốt.

| **Yếu tố**  | **1 Sự Đồng bộ và Ăn khớp Tối thiểu** | **2 Sự Đồng bộ và Ăn khớp Khá** | **3 Sự Đồng bộ và Ăn khớp Tốt** | **4 Sự Đồng bộ và Ăn khớp Xuất sắc** | **Kết nối với Kế hoạch kiểm soát và trách nhiệm địa phương và kế hoạch địa phương khác [LCAP]** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A**. Các phương pháp dạy và chương trình giáo dục EL được thiết kế dành cho sự liên tục, **đồng bộ và ăn khớp** của những cấp lớp và phân đoạn của hệ thống bắt đầu với một nền tảng vững chắc trong thời thơ ấu (mầm non), và tiếp tục qua các cấp tiểu học và trung học sau đó là tốt nghiệp, đại học, và chuẩn bị nghề nghiệp. | Có thể thấy các phương pháp dạy và chương trình EL dựa trên nghiên cứu ở trường, nhưng không có sự đồng bộ và ăn khớp giữa các trường. | Các phương pháp dạy và chương trình EL dựa trên nghiên cứu được thiết kế cho sự liên tục, đồng bộ và ăn khớp trong mỗi hệ thống (mầm non, tiểu học, trung cấp, và trung học); tuy nhiên có thể thiếu sự ăn khớp và đồng bộ trên các hệ thống trong một khu học chánh (ví du, có thể thiếu sự ăn khớp và đồng bộ giữa các trường tiểu học và trung cấp trong một khu học chánh). | Các phương pháp dạy và chương trình EL dựa trên nghiên cứu được thiết kế cho sự liên tục, đồng bộ, và ăn khớp bên trong và giữa các hệ thống trong khu học chánh (ví dụ trong một khu học chánh có thể có sự đồng bộ và ăn khớp giữa các trường tiểu học và trung cấp, nhưng lại không có cho các trường bên ngoài khu học chánh).  | Các phương pháp dạy và chương trình EL dựa trên nghiên cứu được thiết kế cho sự liên tục, đồng bộ và ăn khớp từ trường mầm non đến cao đẳng. Mỗi cấp bậc của hệ thống có sự đồng bộ và ăn khớp hai chiều với hệ thống đi trước và theo sau để cung cấp sự liên tục cho mỗi học sinh chuyển trường giữa các hệ thống. | Kết nối: |
| **B**. Các trường lập thời khóa biểu và nguồn lực để **cung cấp thêm thời gian** ở trường (khi cần) và xây dựng mối quan hệ cộng tác với các nhà cung cấp dịch vụ sau giờ học và các thực thể khác để hỗ trợ thêm cho người học tiếng Anh, hầu đáp ứng những thách thức khác họ gặp phải khi học tiếng Anh và tiếp cận/thành thạo tất cả các môn học. | Các trường không lập thời khóa biểu và nguồn lực để cung cấp thêm thời gian ở trường và không xây dựng mối quan hệ cộng tác với các nhà cung cấp dịch vụ sau giờ học và các thực thể khác để hỗ trợ thêm cho người học tiếng Anh. | Các trường cố gắng lập thời khóa biểu và nguồn lực để cung cấp thêm thời gian ở trường và không xây dựng mối quan hệ cộng tác với các nhà cung cấp dịch vụ sau giờ học và các thực thể khác để hỗ trợ thêm cho người học tiếng Anh. | Các trường lập thời khóa biểu và nguồn lực để cung cấp thêm thời gian ở trường và xây dựng mối quan hệ cộng tác với các nhà cung cấp dịch vụ sau giờ học và các thực thể khác để hỗ trợ thêm cho người học tiếng Anh. | Các trường thực hiện thời khóa biểu và nguồn lực để cung cấp thêm thời gian ở trường và xây dựng mối quan hệ cộng tác liên tục với các nhà cung cấp dịch vụ sau giờ học và các thực thể khác để tập trung sự hỗ trợ cho người học tiếng Anh. | Kết nối: |
| **C**. Các phương pháp dạy và chương trình EL được thiết kế để **nhất quán** với những trường trong các khu học chánh, các sáng kiến và trên toàn tiểu bang. | Các phương pháp dạy và chương trình EL không được thiết kế để nhất quán với những trường trong các khu học chánh, các sáng kiến và trên toàn tiểu bang. Các phương pháp dạy và chương trình EL đang trong giai đoạn đầu để đồng bộ với chỉ đạo của Tiểu bang (Chính sách Lộ trình EL, Khuôn khổ ELA/ELD và Tiêu chuẩn ELD). | Các phương pháp dạy và chương trình EL được thiết kế một phần để nhất quán với những trường trong các khu học chánh, các sáng kiến và trên toàn tiểu bang. Các phương pháp dạy và chương trình EL đang tiến đến sự đồng bộ với chỉ đạo của Tiểu bang (Chính sách Lộ trình EL, Khuôn khổ ELA/ELD và Tiêu chuẩn ELD). | Các phương pháp dạy và chương trình EL được thiết kế để nhất quán với những trường trong các khu học chánh, các sáng kiến và trên toàn tiểu bang. Các phương pháp dạy và chương trình EL đồng bộ với chỉ đạo của Tiểu bang (Chính sách Lộ trình EL, Khuôn khổ ELA/ELD và Tiêu chuẩn ELD). | Các phương pháp dạy và chương trình EL được thiết kế kỹ càng để nhất quán với những trường trong các khu học chánh, các sáng kiến và trên toàn tiểu bang. Các phương pháp dạy và chương trình EL đồng bộ với chỉ đạo của Tiểu bang (Chính sách Lộ trình EL, Khuôn khổ ELA/ELD và Tiêu chuẩn ELD). | Kết nối: |

**Tự đánh giá: Nguyên tắc này và các yếu tố của nó nêu lên những câu hỏi gì?**

California Department of Education - May 2018

Translation - June 2020